

THỰC TIỄN VÀ SÁNG TẠO LÝ LUẬN ĐỔI MỚI THỂ CHẾ GIÁO DỤC VĂN HÓA Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

DƯƠNG XUÂN NGỌC (*)

Trong bài viết này, sau khi làm rõ nội hàm và ngoại diên các khái niệm: thực tiễn và sáng tạo lý luận văn hoá, thực tiễn và sáng tạo lý luận thể chế văn hoá, tác giả đã tập trung phân tích tiến trình đổi mới thể chế giáo dục văn hoá Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, đồng thời chỉ ra những yêu cầu bức thiết cần phải được giải quyết để đưa tiến trình đổi mới này đến thành công.

Cùng với sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước được mở ra từ Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), yêu cầu giải phóng các nguồn lực cho phát triển bền vững đã khách quan hóa vị trí trung tâm của nhân tố văn hóa, con người trong mọi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, chính sự nghiệp đổi mới cũng đã tạo ra tiền đề, điều kiện gắn kết chặt chẽ và đồng bộ một cách tự nhiên ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội thành thể "ba chân kiềng" cho sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững và nhân văn.

1. Thực tiễn và sáng tạo lý luận văn hóa

Văn hóa là khái niệm đa nghĩa gắn liền với con người và đời sống con người. Trong đời sống xã hội, văn hóa không tồn tại độc lập, tách biệt mà thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào

mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người. Trình độ văn hóa của con người thể hiện và phản ánh trình độ phát triển của xã hội trên các lĩnh vực: trong lao động sản xuất (quan hệ với tự nhiên); trong tổ chức và quan hệ gia đình, xã hội, tổ quốc, nhân loại (quan hệ xã hội); trong tổ chức và quan hệ sinh hoạt riêng tư, phát triển trí tuệ, tài năng, phẩm hạnh cá nhân (hình thành nhân cách). Bởi vậy, trong nghiên cứu, xem xét, định nghĩa về văn hóa sẽ trở nên phiến diện, không đầy đủ một khi tuyệt đối hóa một phương diện tiếp cận nào đó; trái lại, để có sự nhận diện thấu đáo về văn hóa đòi hỏi phải là tổng hòa các phương diện tiếp cận.

Theo ngôn ngữ phương Tây, trong tiếng Anh và tiếng Pháp, văn hóa - *culture*; tiếng Đức - *kultur* có nguồn gốc từ các dạng của động từ Latin *colere* là *colo, colui, cultus* với hai nghĩa: giữ gìn, chăm sóc, tạo dựng trong trồng trọt; cầu cúng.

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Phó giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Điều đó cũng có nghĩa là, thoát đầu văn hóa được thể hiện và phản ánh trong quan hệ giữa người với tự nhiên, quan hệ mà thông qua đó, con người thực hiện quá trình cải biến “thiên nhiên thứ nhất” thành “thiên nhiên thứ hai” theo hình ảnh, lợi ích của mình.

Được biết, trong tiếng Hán cổ, văn hóa là những nét xăm mình để qua đó, người khác nhìn vào có thể nhận biết và phân biệt mình với người khác, biểu thị sự quy nhập vào thần linh và các lực lượng bí ẩn của thiên nhiên, chiếm lĩnh quyền lực siêu nhiên. Trong bộ “Từ hải”, văn hóa vốn là một cách biểu thị chung của hai khái niệm văn trị và giáo hóa. Điều này có nghĩa là, văn hóa được nhấn mạnh trong mối quan hệ giữa con người với con người; văn hóa thể hiện quá trình tổ chức con người, giáo hóa con người để cai trị, phản ánh trình độ được giáo dục, được vun trồng..., có trình độ học vấn, sự mở mang trí tuệ và năng lực bản chất của con người, bởi như C.Mác đã chỉ rõ: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”(1).

Trên thực tế, tùy thuộc vào cách tiếp cận và tùy thuộc hoàn cảnh, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia và đặc điểm của thời đại, người ta có những quan niệm khác nhau về văn hóa. Có quan niệm đồng nhất văn hóa với văn hóa nghệ thuật - văn nghệ; có quan niệm lại coi văn hóa là “phương thức sinh hoạt”, là lối sống của một cộng đồng người; quan niệm khác lại xem văn hóa chỉ là những giá trị vật chất và tinh thần (giá trị vật thể, phi vật thể) và có quan niệm xem văn hóa vừa là “phương thức sinh hoạt”, vừa là những giá trị kết tinh

trong hoạt động sống của con người..

Tiếp cận văn hóa theo phương thức sinh hoạt của con người, C.Mác đã xem xét văn hóa trong sự phân tích “hoạt động sinh sống có ý thức” của con người. Theo C.Mác, con người “làm cho hoạt động sinh sống của mình thành đối tượng của ý chí và ý thức”(2). Rằng, con người trong hoạt động sinh sống đã sáng tạo ra “thiên nhiên thứ hai” theo qui luật của cái đẹp. Và, chính trong quá trình sáng tạo đó, “con người nhân đôi mình không chỉ về mặt trí tuệ như xảy ra trong ý thức, mà còn nhân đôi mình một cách hiện thực, một cách tích cực và con người ngắm nhìn mình trong thế giới do mình sáng tạo ra”(3).

Với cách tiếp cận từ hệ giá trị, theo cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, “văn hóa phải được xem xét như một tập hợp những nét khác biệt về vật chất và tinh thần, về trí tuệ và cảm xúc, làm rõ nét một xã hội hay một nhóm xã hội, ngoài nghệ thuật, văn thơ, văn hóa bao hàm phong cách sống, cách chung sống, hệ thống các giá trị, truyền thống và tín ngưỡng”(4). Cũng theo cách tiếp cận này - cách tiếp cận hệ giá trị, UNESCO cho rằng, văn hóa là tổng thể sống động những hoạt động sáng tạo của các cá nhân và cộng đồng trong quá khứ và hiện tại. Qua các thế hệ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên hệ thống các giá trị, truyền thống và thị hiếu - những yếu tố

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.11.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.23, tr.244, 536.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.23, tr.137.

(4) Phạm Văn Đồng. *Văn hóa và Đổi mới*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.37.

xác định đặc tính riêng của mỗi dân tộc.

Theo cách tiếp cận tổng hòa của cả phương thức sinh hoạt và hệ giá trị, Hồ Chí Minh quan niệm: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng với những nhu cầu của đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”(5).

Vậy là, theo quan niệm của Hồ Chí Minh, văn hoá, *trước tiên*, là văn hoá của loài người, mang tính loài, do con người và vì con người - vì lẽ sinh tồn và mục đích của cuộc sống. Sở dĩ con người, động vật - xã hội, trở thành con người thực sự là bởi, nó được giáo hóa để trở nên có văn hóa. Con người trong cuộc đấu tranh sinh tồn và phát triển đã sáng tạo ra văn hoá; bằng văn hoá mà con người ngày càng hoàn thiện hơn, nhân văn hơn và văn minh hơn. Khi khẳng định tính loài của văn hoá, không có nghĩa là phủ nhận bản sắc dân tộc của văn hoá mà trái lại, tính “loài” càng cao thì bản sắc dân tộc của văn hoá càng đậm nét và đặc sắc. Trong Báo cáo Chính trị trình bày trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Lao động Việt Nam (1951), Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hoá đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc và hấp thụ những cái mới của

văn hoá tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hoá dân tộc, khoa học, đại chúng”(6). Tư tưởng này cũng là tư tưởng chủ đạo của Đề cương Văn hóa đầu tiên (1943) của Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam)(7).

Thứ hai, với quan điểm duy vật về lịch sử, Hồ Chí Minh đã xem cấu trúc của văn hoá bao gồm văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần; song khi nói đến văn hoá, Người nhấn mạnh văn hoá tinh thần với những hoạt động và giá trị mà hoạt động tinh thần ấy tạo ra, bao gồm: ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật.

Điểm đặc sắc trong quan niệm này là ở chỗ, không chỉ nêu được sáu thành tố cơ bản, chủ yếu hợp thành văn hoá tinh thần, mà còn khẳng định tôn giáo là một trong những thành tố quan trọng. Với việc thừa nhận tôn giáo là một trong những thành tố của văn hoá tinh thần, Hồ Chí Minh đã thể hiện mình là nhà văn hoá chân chính, đã vượt lên trên những thành kiến, những nhận thức không đầy đủ, phiến diện, không đúng về tôn giáo và về quan niệm của C.Mác trước đây về tôn giáo - tôn giáo là “thuốc phiện của nhân dân”.

Vượt qua những hạn chế của lịch sử, với vốn hiểu biết sâu rộng về Nho giáo và Phật giáo cùng các tôn giáo khác, Hồ Chí

(5) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.431.

(6) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.6, tr.173.

(7) *Đề cương văn hóa* là văn kiện đầu tiên của Đảng về công tác văn hóa văn nghệ, ra đời trong thời kỳ đen tối của xã hội Việt Nam dưới ách thực dân Pháp và phát xít Nhật. Nội dung cốt lõi của Đề cương văn hóa là ba nguyên tắc: *dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa*.

Minh đã thừa nhận tính hướng thiện, lòng nhân ái của các loại hình tôn giáo: “Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta.

Khổng Tử, Giêsu, C.Mác, Tôn Dật Tiên chẳng phải đã có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn “mưu cầu hạnh phúc cho xã hội... Tôi cố gắng làm học trò nhỏ của các vị ấy”(8). Bên cạnh việc nhấn mạnh dạng hoạt động tinh thần và hệ giá trị tinh thần, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh và khẳng định vị trí của hoạt động và giá trị văn hoá vật chất trực tiếp liên quan đến mặc, ăn, ở và phương thức sử dụng chúng.

Văn hoá vốn là khái niệm trừu tượng, đa nghĩa, song với cách diễn đạt dung dị của Hồ Chí Minh, người ta có thể dễ dàng nhận thức được và cảm thụ được, nên nó vừa cao sang như ngôn ngữ, chữ viết, khoa học..., vừa gần gũi như mặc, ăn, ở, vừa thu phục và cảm hóa lòng người bởi tính hướng thiện của tôn giáo. Một định nghĩa về văn hoá như vậy thực đã hội đủ được những tinh túy của văn hoá Đông – Tây và những giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hiến Việt Nam.

Thứ ba, văn hoá với ý nghĩa là tổng hòa của mọi phương thức sinh hoạt (sinh hoạt vật chất và tinh thần) cùng những biểu hiện của nó để con người có thể thích ứng ngày một tốt hơn với những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn. Nhờ có văn hoá và bằng văn hoá, thông qua hoạt động thực tiễn được thấm thấu bởi

văn hoá, những tiềm năng vốn có của con người: trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, nhân cách, lối sống, ý chí, nghị lực, sự thành thạo, tài năng và bản lĩnh của mỗi cá nhân và cộng đồng người được khơi dậy, củng cố và phát huy, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của xã hội; qua đó, con người ngày càng hoàn thiện mình, đúng như nhận định của C.Mác, cùng với hoạt động cải tạo thế giới, con người cũng cải tạo chính mình. Văn hoá là cái đảm bảo cho sự tồn tại, hoàn thiện và phát triển nhân cách con người; cái đảm bảo cho xã hội phát triển toàn diện, bền vững và nhân văn.

Ở Việt Nam, cho tới nay, khi nói tới sáng tạo lý luận văn hoá, thì sáng tạo của Hồ Chí Minh là đỉnh cao, được toàn xã hội thừa nhận. Và, có lẽ cũng vì vậy mà UNESCO đã phong tặng Người là Danh nhân văn hóa. Mọi sự sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là sự cụ thể hóa, vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển những ý tưởng của Người trong quá trình xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ năm khóa VIII (7-1998), trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá và tổng kết quá trình hoạt động thực tiễn, trong đó có hoạt động văn hóa, đã khẳng định: văn hóa Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không

(8) Dẫn theo: *Tạp chí Cộng sản*, số 13 (tháng 7-2000), tr.15.

ngừng hoàn thiện mình. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng(9).

Vậy là, văn hóa Việt Nam là kết quả tổng hòa của quá trình hoạt động sáng tạo của nhân dân Việt Nam và quá trình giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Nó hun đúc nên tâm hồn, khí phách và bản lĩnh Việt Nam; là mục tiêu, động lực của sự phát triển. Đồng thời với việc định hình diện mạo văn hóa Việt Nam, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII còn định hướng cho việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc nhằm phát huy vai trò động lực to lớn của văn hoá Việt Nam trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đó cũng là sự khái quát cô đọng về phát triển lý luận văn hóa Việt Nam.

2. Thực tiễn và sáng tạo lý luận thể chế văn hóa

Thể chế là thuật ngữ đã xuất hiện từ rất sớm, nhưng nó chỉ được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu và được áp dụng

trong hoạch định chính sách kinh tế, xây dựng thể chế chính trị từ những năm 20 - 30 của thế kỷ XX mà thoát đầu, là ở các nước phương Tây.

Theo các tác giả cuốn *Dictionnaire* (Nxb Larousse, Bondas, 1999) và *Dictionnaire Pratique du Francais* (Nxb Hacchette, 1987), thuật ngữ Institution có nghĩa là: 1) thể chế - là sự đặt định những luật lệ, là những luật lệ cơ bản của một quốc gia; 2) thiết chế - là các bộ phận cấu thành của một cấu trúc, cần phải duy trì và tôn trọng.

Các nhà Chính trị học Trung Quốc - Tần Thụy Sinh, Chu Mãn Lương, Long Nguyên Chinh, trong cuốn sách *Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc* (Nxb Đại Liên, Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh dịch, Hà Nội, 1995), cho rằng *thể chế chính trị là các loại chế độ chính trị cụ thể được xây dựng trên cơ sở chế độ chính trị cơ bản và tổng hòa các cơ chế vận hành, thuộc kiến trúc thượng tầng.*

So với các học giả nước ngoài, thuật ngữ thể chế mới được các nhà khoa học Việt Nam đề cập tới và sử dụng muộn hơn, chỉ mới trong thời gian gần đây, đặc biệt từ khi nền kinh tế được chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(9) Nhiệm vụ của việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc bao gồm: xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới với năm đặc trưng; xây dựng môi trường văn hóa; phát triển sự nghiệp văn học - nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ; phát triển di đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng; bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số; chính sách văn hóa đối với tôn giáo; mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa; củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa.

Có thể nêu ra một số quan niệm gần đây ở Việt Nam:

Các thành viên tham gia Hội thảo khoa học “Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam” tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (tháng 10/2004) cho rằng, *thể chế là các đạo luật, luật lệ, điều lệ, quy tắc, tập quán... được thừa nhận chung và các tổ chức kinh tế và chính trị cùng các định chế của nó và yếu tố văn hóa hình thành từ thực tiễn* (10).

Còn các tác giả đề tài cấp Nhà nước KX-01-06 thì cho rằng, *thể chế là cách thức xã hội thiết lập khuôn khổ, trật tự, trong đó diễn ra các quan hệ giữa con người với cơ chế, quy chế, quyền lực, quy tắc, luật lệ vận hành của trật tự xã hội đó* (11).

Tuy còn có những ý kiến khác nhau, song về cơ bản, ở Việt Nam hiện nay, khái niệm thể chế được hiểu một cách khái quát là *hệ thống các qui tắc, qui định pháp luật, luật lệ (phong tục, tập quán, thỏa ước cộng đồng); các tổ chức xã hội, các cơ quan quản lý nhà nước và cơ chế vận hành, điều chỉnh các hoạt động của đời sống xã hội*.

Theo đó, có thể quan niệm: *thể chế văn hóa, bộ phận của thể chế xã hội nói chung, là hệ thống các qui tắc, qui định pháp luật, luật lệ với tư cách những chuẩn mực điều chỉnh hành vi của các chủ thể văn hóa, tổ chức văn hóa, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa và cơ chế vận hành, điều chỉnh các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa*.

Từ trong thực tiễn sinh động và trong sáng tạo lý luận, có thể khái quát: *thể chế giáo dục văn hóa, bộ phận của thể chế văn hóa, là hệ thống các qui tắc, qui định pháp luật, luật lệ với tư cách những chuẩn*

mực điều chỉnh hoạt động giáo dục văn hóa, các tổ chức giáo dục văn hóa, các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động giáo dục văn hóa và cơ chế vận hành, điều chỉnh các hoạt động giáo dục văn hóa nhằm hướng tới xây dựng và hoàn thiện một nền văn hóa tiên tiến, nhân văn, tiến bộ, đậm đà bản sắc dân tộc, do nhân dân và vì nhân dân.

Với cách tiếp cận như vậy, ở Việt Nam, trong quá trình sáng tạo lý luận và đổi mới thể chế giáo dục văn hóa, vấn đề được quan tâm hơn cả là đổi mới việc xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống các văn bản pháp luật và hệ thống các hương ước phản ánh những phong tục, tập quán của từng cộng đồng dân cư, trong đó có các cộng đồng các dân tộc thiểu số để trên cơ sở đó, chăm lo xây dựng các thiết chế văn hóa (thể chế theo nghĩa hẹp) cùng với cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho các thiết chế văn hóa hoạt động hiệu quả (những trang bị vật chất - kỹ thuật); xây dựng các tổ chức và đội ngũ cán bộ chuyên trách hoạt động văn hóa từ Trung ương đến cơ sở (ở Việt Nam, việc phân cấp quản lý hành chính theo bốn cấp: Trung ương; tỉnh, thành; quận, huyện, thị xã và cơ sở xã, phường, thị trấn). Đặc biệt, trong xây dựng thể chế giáo dục văn hóa, Đảng, Nhà nước Việt Nam giao cho Mặt trận Tổ quốc là cơ quan chủ trì tổ chức các phong trào, các cuộc

(10) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam” (tháng 10/2004)*.

(11) Bộ Khoa học & Công nghệ. Chương trình khoa học & công nghệ cấp Nhà nước 2001-2005, Báo cáo tổng hợp đề tài KX01-06 “*Về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*”, 2004.

vận động xây dựng các cộng đồng văn hóa theo phương châm “lấy sức dân xây dựng cuộc sống cho dân”(12). Đây là phương thức rất có ý nghĩa trong xây dựng thể chế giáo dục văn hóa qua thực tiễn hoạt động của nhân dân ở cơ sở, thông qua việc thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

3. Đổi mới thể chế giáo dục văn hóa ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam, trên cơ sở tổng kết 20 năm đổi mới, đã định hướng nhiệm vụ phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội là “Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội” (13).

Đại hội X của Đảng cũng chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể: xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam; bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế; đa dạng hoá các hình thức hoạt động của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; kết hợp hài hoà việc bảo vệ, phát huy các di sản văn hoá với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch; phát triển các lĩnh vực xuất bản, thông tin đại chúng; bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hoá, văn học, nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ; tăng cường quản lý nhà nước về văn hoá; xây dựng cơ chế, chính sách, chế tài ổn định, phù hợp yêu cầu phát triển văn hoá trong

thời kỳ mới; phát huy tính năng động, chủ động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các hội văn học, nghệ thuật, khoa học, báo chí, các hộ gia đình, cá nhân, các trí thức tham gia hoạt động trên các lĩnh vực văn hoá; xây dựng và triển khai chương trình giáo dục văn hoá - thẩm mỹ, nếp sống văn minh, hiện đại trong nhân dân.

Những định hướng và nhiệm vụ phát triển văn hóa trong thời kỳ phát triển mới của đất nước đã đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ cho đổi mới thể chế giáo dục văn hóa những năm tới. Trước mắt, cần tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được để không ngừng hoàn thiện những văn bản pháp luật, những qui định dưới luật liên quan trực tiếp đến việc định hướng và điều chỉnh hoạt động văn hóa. Đổi mới phương thức giáo dục văn hóa theo hướng kết hợp giáo dục gia đình, nhà trường với giáo dục trong các cộng đồng dân cư và toàn xã hội nhằm phát huy ý thức tự lực, tự cường, khơi dậy tiềm năng sáng tạo của mỗi người, mỗi gia đình, tập thể và cộng đồng với phương châm “lấy sức dân xây dựng cho dân”, tạo thành sức mạnh to lớn trong giáo dục văn

(12) Từ năm 1995, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư* theo phương châm “lấy sức dân xây dựng cuộc sống cho dân”. Trong 10 năm (từ 1995 đến 2005) thực hiện phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*, đã có trên 12 triệu hộ được công nhận là gia đình văn hóa, trong đó đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa liên tục 5 năm liền là 2,4 triệu hộ.

(13) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.106.

hóa. Trong đó, lấy giáo dục gia đình nhằm xây dựng gia đình văn hóa thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm thân thương của mỗi người làm cơ sở cho việc giáo dục văn hóa trong nhà trường và ngoài xã hội.

Tháng 1-1969, trong bài nói chuyện tại Hội nghị thảo luận dự thảo Luật Hôn nhân và Gia đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Rất quan tâm đến gia đình là đúng và nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình"(14).

Xuyên suốt chiều dài lịch sử, gia đình Việt Nam được hình thành và phát triển với những chuẩn mực giá trị tốt đẹp góp phần xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế tạo ra nhiều cơ hội và điều kiện để gia đình Việt Nam phát triển, song cũng đặt gia đình trước nhiều khó khăn, thách thức. Do đó, tạo lập văn hóa gia đình và xây dựng gia đình văn hóa với nội dung: *bình đẳng, ấm no, hòa thuận, tiến bộ và hạnh phúc* là vấn đề quan trọng trong công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Ở Việt Nam, cách đây 48 năm, phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã được bắt đầu từ tỉnh Hưng Yên rồi lan rộng ra trên phạm vi cả nước. Thoạt đầu còn nặng tính tự phát, song ngày càng tự giác lôi cuốn đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia đã tạo nên nét đẹp văn hóa trên nhiều vùng, miền của Tổ quốc bằng hình ảnh những gia đình văn hóa tiêu biểu. Phong trào này không chỉ khơi dậy và phát huy được những nét đẹp, những tinh hoa văn hóa gia đình truyền thống, mà

còn tạo dựng nên những chuẩn mực gia đình văn hóa mang tính nhân loại trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng gia đình văn hóa là tạo dựng và nuôi dưỡng những tế bào lành mạnh cho xã hội phát triển, là xây tổ ấm cho mỗi người, cho những nhân cách văn hóa nảy nở và phát triển. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đồng thời góp phần bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc, tạo nguồn nhân lực xây dựng và bảo vệ đất nước(15).

Là một bộ phận, là cái "gốc" của văn hóa làng, nước, văn hóa gia đình và xây dựng gia đình văn hóa là điều kiện để xây dựng môi trường văn hóa trong các cộng đồng dân cư phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội.

Cùng với việc xây dựng văn hóa gia đình, xây dựng gia đình văn hóa, việc xây dựng môi trường văn hóa xã hội, trước hết là văn hóa học đường để mỗi cơ sở đào tạo, từ bậc mầm non đến bậc đào tạo nghề, đạo tạo chuyên gia ở bậc đại học, sau đại học, không chỉ là nơi dạy học mà hơn nữa, còn là nơi để người thầy thể hiện tấm gương sáng về tinh thần tự học, đạo đức trong sáng và tinh thần sáng tạo cho người học noi theo; để người học, dù ở bậc học và ở lứa tuổi nào, cũng luôn là những người sẵn sàng học tập, tích cực rèn luyện và sẵn sàng cống hiến. Không chỉ trong nhà trường, trong mỗi công sở nhà nước, hay trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, đâu đâu cũng trở thành môi

(14) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.9, tr.523.

(15) Tính đến tháng 12-2006, cả nước có 81,87% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó 72,58% số hộ đã đạt chuẩn văn hóa.

trường văn hóa, nhân văn cho những tài năng, những nhân cách văn hóa nảy nở và phát triển, phát huy vai trò đối với cộng đồng; để nét đẹp trong văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa bản làng... tỏa sáng, định hướng, điều chỉnh hành vi mỗi con người, mỗi tổ chức, mỗi cộng đồng người.

Đương nhiên, đổi mới thể chế giáo dục văn hóa đòi hỏi phải xây dựng được một thể chế cho phép kết hợp giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội; thực hiện có hiệu quả phương châm kết hợp xây đi đôi với chống. Cuộc đấu tranh chống sự "xâm lăng" của các luồng "văn hóa độc hại" cần phải gắn với cuộc đấu tranh chống các tàn dư "văn hóa thực dân, phong kiến" và cuộc đấu tranh chống các yếu tố lỗi thời, tiêu cực của văn hóa dân tộc truyền thống (những hủ tục - một người làm quan cả họ được nhờ; phép vua thua lệ làng; nạn kéo bè, kéo cánh, cục bộ địa phương; cơ chế "xin - cho"); cảnh giác với những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập, đặc biệt là những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ có chức, có quyền; nạn tham nhũng, dùng tiền của của Nhà nước tiêu xài phung phí, ăn chơi sa đọa không được ngăn chặn có hiệu quả; những hiện tượng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân, kèn cựa, địa vị, cục bộ địa phương, bè phái, mất đoàn kết khá phổ biến,...

Trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, với những thời cơ và thách thức mới, yêu cầu đổi mới thể chế giáo dục văn hóa đòi hỏi phải giải quyết thành công

một số vấn đề sau:

Một là, tiếp tục đổi mới cả về nội dung lẫn hình thức công tác tuyên truyền giáo dục văn hóa nhằm tạo ra sự chuyển biến căn bản về nhận thức trong toàn xã hội, trước hết trong các cấp ủy đảng, đảng viên, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ các đoàn thể quần chúng về tầm quan trọng, sự cần thiết, tính cấp bách của sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, về đổi mới thể chế giáo dục văn hóa, về trách nhiệm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ văn hóa trong thời kỳ mới; đẩy mạnh việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với phong trào thi đua yêu nước và giáo dục về chủ nghĩa xã hội, về nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm cho mọi người thấm nhuần truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc, đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Các hoạt động tuyên truyền giáo dục phải gắn với quản lý xã hội bằng pháp luật, phát huy sức mạnh dư luận xã hội, gắn với các phong trào hành động của quần chúng, bao gồm các phong trào: người tốt việc tốt, uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, xây dựng gia đình văn hóa, làng, xã, phường văn hóa, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư... và toàn bộ các phong trào ấy đều hướng vào cuộc thi đua yêu nước "Tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Hai là, tập trung xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống luật pháp và chính sách về văn hóa, giáo dục văn hóa.

Cần bổ sung, hoàn thiện các luật, pháp lệnh, các văn bản pháp quy điều chỉnh

các hoạt động văn hóa; xây dựng, hoàn chỉnh Luật di sản văn hóa dân tộc, Luật quảng cáo và các qui ước về nếp sống văn hóa, giữ gìn trật tự vệ sinh nơi công cộng, bảo vệ môi trường thiên nhiên, cảnh quan sạch đẹp và các qui định liên quan đến hoạt động quản lý văn hóa.

Xây dựng, ban hành các chính sách kinh tế trong văn hóa nhằm gắn văn hóa với các hoạt động kinh tế, khai thác tiềm năng kinh tế, tài chính hỗ trợ cho phát triển văn hóa, đồng thời bảo đảm yêu cầu chính trị, tư tưởng của hoạt động văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng, hoàn thiện chính sách văn hóa trong kinh tế nhằm bảo đảm cho văn hóa thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế, đồng thời thúc đẩy các hoạt động kinh tế tạo điều kiện nhiều hơn cho sự nghiệp phát triển văn hóa; xây dựng và thực hiện chính sách xã hội hóa hoạt động văn hóa nhằm động viên sức người, sức của của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội để xây dựng và phát triển văn hóa; xây dựng và thực hiện chính sách bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc; ban hành các chính sách cụ thể về hợp tác quốc tế trong quan hệ với các tổ chức quốc tế và các quốc gia ở những khu vực, những nhóm nước cụ thể. Đa dạng hóa, đa phương hóa các mối quan hệ về văn hóa (Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, cá nhân) nhằm tiếp thu được nhiều tinh hoa, kinh nghiệm của nước ngoài, ngăn ngừa những tác động tiêu cực.

Ba là, tăng cường nguồn lực và đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động văn hóa.

Trên cơ sở thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng đầu tư cho

hoạt động văn hóa", cần tăng mức đầu tư cho văn hóa từ nguồn chi thường xuyên và nguồn chi phát triển trong ngân sách nhà nước. Thực hiện các chương trình có mục tiêu về văn hóa nhằm đầu tư có trọng điểm, giải quyết các vấn đề có tính cấp bách.

Củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy, cán bộ của các cơ quan lãnh đạo, quản lý, tham mưu, các đoàn thể, các tổ chức nghề nghiệp của hoạt động văn hóa từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm hoạt động có hiệu quả. Nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp.

Bốn là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hoá.

Yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn mới nói chung, yêu cầu đổi mới thể chế giáo dục văn hóa nói riêng đòi hỏi Đảng phải tăng cường và nâng tầm lãnh đạo trên lĩnh vực văn hóa.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đảm bảo cho hoạt động văn hóa phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật, khoa học và công nghệ trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn.

Phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng, các tổ chức sáng tạo văn hóa, văn nghệ trong việc vận động, tổ chức quần chúng, giới trí thức thực hiện nhiệm vụ văn hóa, làm chủ văn hóa.

Đẩy mạnh quá trình thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, nội dung, phương thức quản lý nhà nước về văn hóa. □